

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY RỪNG NĂM 2025



Năm 2025

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
C.TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Số: 01 /QĐ-LNSK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Thạnh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt Kế hoạch QLBR và PCCCR năm 2025

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2021 - 2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2024 - 2030 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Xét Tờ trình số 01 /TTr-LNSK ngày 02/01/2025 của Giám đốc Công ty về việc đề nghị ban hành Kế hoạch QLBR và PCCCR năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Quản lý bảo vệ và Phòng cháy chữa cháy rừng năm 2025, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu của Kế hoạch: Triển khai thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, ngăn chặn tối đa các hành vi xâm hại rừng và các vụ cháy rừng gây thiệt hại đến tài nguyên rừng Công ty quản lý.

2. Địa điểm: Toàn bộ diện tích đất, rừng Công ty quản lý tại: Tiểu khu 99, 109, 110, 123, 124, 134, 135, 144 và 145 xã Vĩnh Sơn; tiểu khu 145A, 153, 154, 167, 168, 175, 183, 191 và 210A xã Vĩnh Hảo; tiểu khu 210B, 217 và 226 xã Vĩnh Thuận; tiểu khu 227, 218 xã Vĩnh Quang; tiểu khu 236 xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh. Tại tiểu khu 250A và 258 xã Tây Thuận; tiểu khu 259 xã Tây Giang; tiểu khu 242, 252A xã Bình Tân; tiểu khu 252B xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn.

Tại tiểu khu 92, 102 xã Đák Mang; tiểu khu 117B xã Bók Tới, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định và tiểu khu 152 xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

3. Diện tích, hiện trạng đất, rừng bàn giao các đội, trạm quản lý

a) Trạm Thực nghiệm và QLVR Vĩnh Sơn: Gồm 01 Trạm và 04 Chốt.

Lực lượng QLVR có 04 người chuyên trách, 01 hợp đồng người địa phương và 03 cộng đồng Thôn K2 + Suối Đá, K3 và K8 nhận khoán QLVR;

Quản lý 07 tiểu khu 99, 109, 110, 123, 124, 134, 135 xã Vĩnh Sơn với tổng diện tích 2.844,07 ha (Rừng tự nhiên 2.707,84 ha; rừng trồng 17,3 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 11,44 ha; đất hộ dân đang canh tác 106 ha; đất trụ sở, vườn ươm 1,49 ha).

b) Trạm QLVR Suối Cát: Gồm 01 Trạm và 01 Chốt.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLVR, 01 hợp đồng người địa phương và 01 cộng đồng Thôn Suối Cát nhận khoán QLVR;

Quản lý 02 tiểu khu 144 và 145 thuộc xã Vĩnh Sơn với tổng diện tích 1.899,16 ha (đất có rừng tự nhiên 1.800,5 ha; đất có rừng trồng 1,36 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 4,86 ha; đất hộ dân đang canh tác trên đất trống 92,44 ha).

c) Trạm QLVR Cây Sung: Gồm 01 Trạm và 01 Chốt.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLVR, 01 hợp đồng người địa phương;

Quản lý 03 tiểu khu 153, 154, 145A thuộc xã Vĩnh Hảo với tổng diện tích 1.897,11 ha (đất có rừng tự nhiên 1.864,25 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 7,72 ha; đất hộ dân đang canh tác 25,14 ha).

d) Trạm QLVR Lò Than: Gồm 01 Trạm và 02 Chốt.

Lực lượng: 04 chuyên trách QLVR, 02 hợp đồng người địa phương.

Quản lý 10 tiểu khu 167, 168, 175, 183, 191. 210A xã Vĩnh Hảo; tiểu khu 210B, 217, 226 xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh; tiểu khu 152 xã Nghĩa An, huyện Kbang với tổng diện tích 4.436,39 ha (đất có rừng tự nhiên 3.860,36 ha; đất có rừng trồng 160,56 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 58,07 ha; đất hộ dân đang canh tác 32,1ha; đất lấn chiếm 319,49 ha; đất phi nông nghiệp 5,81 ha).

đ) Trạm QLVR Hà Nhe: Gồm 01 Trạm và 01 Chốt dã chiến.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLVR.

Quản lý 06 tiểu khu là 236 xã Vĩnh Hòa và 227, 218 xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh; tiểu khu 258, 250A xã Tây Thuận và tiểu khu 259 xã Tây Giang, huyện Tây Sơn với tổng diện tích 315,55 ha (Rừng trồng 244,86 ha; đất chưa có rừng 3,96 ha; hộ dân tranh chấp, lấn chiếm ranh biên 59,25 ha; đất lâm nghiệp 7,48 ha).

e) Trạm nghiên cứu và Sản xuất lâm nghiệp Bình Tân: Gồm 01 Trạm.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLVR, vào mùa nắng nóng tăng cường thêm 01 hợp đồng người dân địa phương.

Quản lý 03 tiểu khu là 242, 250A xã Bình Tân và 250B xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn với tổng diện tích 478,67 ha (Rừng trồng 470,2 ha; đất lâm nghiệp 5,47 ha; đất vườn ươm 3,0 ha).

f) Đội 3 - Hoài Ân: Gồm 01 Trạm và 03 Chốt dã chiến.

Lực lượng: 05 chuyên trách QLBR, 04 hợp đồng người dân địa phương.

Quản lý 03 tiểu khu là 92, 102 xã Đák Mang và 117B xã Bók Tới, huyện Hoài Ân với tổng diện tích 828,43 ha (*Rừng tự nhiên 112,99 ha; rừng trồng 572,2 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 51,99 ha; đất trồng rừng 14,78 ha; đất chưa trồng rừng 23,9 ha; đất sinh lầy không thành rừng 52,57 ha*).

4. Nội dung thực hiện: Quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy diện tích rừng Công ty đang quản lý.

(Kèm theo Kế hoạch QLBR & PCCCR năm 2025)

5. Kinh phí tuần tra, tuyên truyền và mua sắm thiết bị BVR, PCCCR

5.1. Tổng kinh phí: 401.760.000 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó:

a) Chi phí rừng tự nhiên: 314.400.000 đồng.

- Chi phí phối hợp chốt chặn, kiểm tra, truy quét BVR và xử lý vụ việc vi phạm liên quan đến công tác BVR 127.840.000 đồng.

- Chi phí phát dọn tuyến đường tuần tra BVR, biển cấm chặt phá rừng, son xít: 40.600.000 đồng.

- Chi phí hợp định kỳ công tác QLBR với các chủ rừng giáp ranh tỉnh Gia Lai (04 Trạm x 4 đợt/năm): 16.000.000 đồng.

- Chi phí vận động, tuyên truyền và truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trong công tác QLBR, PCCCR (07 thôn): 14.000.000 đồng.

- Chi phí mua dụng cụ, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác QLBR, PCCCR: 136.000.000 đồng.

- Chi phí cho bên cung cấp tin báo vi phạm (Xây dựng hệ thống tin báo): 10.000.000 đồng.

b) Chi phí rừng trồng: 87.320.000 đồng

- Công tác vận động, tuyên truyền PCCCR: 22.000.000 đồng.

- Hỗ trợ cho công tác PCCCR: 23.000.000 đồng.

- Xây dựng các công trình PCCCR: 11.700.000 đồng.

- Mua sắm, sửa chữa dụng cụ PCCCR: 27.620.000 đồng.

- Dự phòng khen thưởng, khuyến khích: 3.000.000 đồng.

5.2. Nguồn kinh phí: Kinh phí phục vụ công tác QLBR, PCCCR tự nhiên từ nguồn ngân sách; kinh phí QLBR, PCCC rừng trồng từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Kèm theo dự toán kinh phí tuần tra, tuyên truyền và mua sắm thiết bị BVR, PCCCR năm 2025)

Điều 2. Giao Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Kế hoạch.

Điều 3. Các ông (bà) Giám đốc; Phó Giám đốc; Trưởng các phòng: Kế hoạch - Kỹ thuật, Kế toán - Tài chính, Tổ chức - Hành chính và các Trạm, Đội có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hạt Kiểm lâm Vĩnh Thạnh;
- Hạt Kiểm lâm Tây Sơn;
- Hạt Kiểm lâm Hoài Ân;
- Lưu: VT, TCHC. *2 đư*



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Nguyễn Ngọc Đạo

KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG VÀ
PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG NĂM 2025
(Ban hành Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-LNSK ngày 01 tháng 01 năm 2025
của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn)

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2021 - 2025 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2024 - 2030 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn xây dựng Kế hoạch Quản lý bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng năm 2025, với những nội dung sau:

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Hiện trạng đất đai của Công ty

Công ty hiện đang quản lý, sử dụng với tổng diện tích tự nhiên 12.699,38 ha. Trong đó, diện tích theo phương án sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt là 12.639,11 ha, phân bổ trên địa bàn các huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn, Hoài Ân và diện tích Công ty thuê ở huyện Kbang, tỉnh Gia Lai là 60,27 ha. Cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉnh Bình Định			Tỉnh Gia Lai
			Huyện Vĩnh Thạnh	Huyện Tây Sơn	Huyện Hoài Ân	
I	Đất nông nghiệp	12.693,34	11.165,68	639,06	828,43	60,17
1	Đất có rừng tự nhiên	10.345,94	10.232,95		112,99	-
-	Quy hoạch sản xuất	9.037,9	8.924,5		112,99	-

-	Quy hoạch phòng hộ	1.308,40	1.308,40			-
2	Đất có rừng trồng	1.466,84	255,01			60,17
-	Quy hoạch sản xuất	1.448,98	237,15	579,1	572,2	60,17
-	Quy hoạch phòng hộ	17,86	17,86			-
3	Đất khoanh nuôi phục hồi rừng	134,08	82,09		51,99	-
-	Quy hoạch sản xuất				51,99	-
-	Quy hoạch phòng hộ					-
4	Đất hộ dân canh tác từ trước	255,68	255,68			
5	Đất rừng trồng Công ty sau khai thác bị dân lấn chiếm	378,74	334,73	44,01		
6	Đất chưa có rừng	108,160	3,960	12,950	91,250	
7	Đất nông nghiệp khác (NKH - vườn ươm)	4,26	1,26	3,00	-	-
II	Đất phi nông nghiệp	6,04	5,94	-	-	0,10
1	Đất trụ sở công ty nông, lâm nghiệp	0,33	0,23	-	-	0,10
2	Đất giao thông	5,71	5,71	-	-	-
Tổng cộng		12.699,38	11.171,62	639,06	828,43	60,27

Diện tích Công ty quản lý rộng, phân bố trên nhiều huyện khác nhau, địa hình có nhiều hiểm trở phức tạp, giáp ranh với nhiều chủ rừng trong và ngoài tỉnh, có nhiều loại gỗ quý hiếm, có giá trị kinh tế cao; xung quanh rừng có nhiều người dân địa phương sinh sống với tập quán canh tác làm nương rẫy, người dân thiếu đất sản xuất, đời sống còn nhiều khó khăn và phụ thuộc rất nhiều vào rừng dẫn đến các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng như phá rừng; lấn chiếm đất đai trái pháp luật vẫn còn xảy ra.

Bên cạnh đó, đối với diện tích rừng trồng Keo, Bạch đàn tồn tại nhiều lớp thực bì qua các đợt chăm sóc tạo thành lớp thảm khô dày, đối với rừng tự nhiên một số diện tích hỗn giao cây lồ ô, giang, le... vào mùa nắng nóng dễ bén lửa và nguy cơ cháy rất cao.

2. Về tổ chức, quản lý Công ty

Tổng số lao động trong Công ty 47 người (Trong đó: Nam 39 người, nữ 08 người). Cơ cấu tổ chức: Ban lãnh đạo điều hành; 03 phòng nghiệp vụ, 01 Đội cơ động BVR-PCCCR và 07 đơn vị QL BVR trực thuộc.

a) Bộ phận gián tiếp: 17 người.

Người quản lý, Kiểm soát viên: 05 người (Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên). 03 Phòng chuyên môn nghiệp vụ, số lượng là 12 người. (Phòng Tổ chức - Hành chính 05 người, Phòng Kế toán - Tài chính 03 người, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật 04 người).

b) Các đơn vị cơ sở trực thuộc: 30 người.

Trạm Thực nghiệm và QLVR Vĩnh Sơn 04 người; Trạm QLVR Suối Cát 03 người; Trạm QLVR Lò Than 04 người; Trạm QLVR Cây Sung 03 người; Đội Cơ động QLVR-PCCCR 04 người; Trạm QLVR Hà Nhe 03 người; Trạm Nghiên cứu và Sản xuất lâm nghiệp Bình Tân 03 người; Đội 3 - Hoài Ân 05 người.

Ngoài ra, Công ty Hợp đồng với người dân địa phương phối hợp tham gia bảo vệ rừng, PCCCR bố trí tại các Trạm, Chốt BVR: 17 người.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quản lý, bảo vệ bền vững diện tích đất và rừng Công ty quản lý là 12.699,38 ha, trên địa bàn các huyện Vĩnh Thạnh 11.171,62 ha; huyện Tây Sơn 639,06 ha; huyện Hoài Ân 828,43 ha và huyện Kbang, tỉnh Gia Lai 60,27 ha. Trong đó, diện tích có rừng tự nhiên là **10.345,94 ha** diện tích có rừng trồng là **1.466,48 ha**; còn lại là đất chưa có rừng và đất khoanh nuôi phục hồi rừng.
- Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng phá rừng, khai thác lâm sản trái pháp luật; lấn, chiếm đất lâm nghiệp để trồng rừng trái pháp luật;
- Phát hiện sớm lửa rừng, huy động lực lượng dập tắt lửa rừng khẩn trương, kịp thời và triệt để, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.
- Nâng cao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của các Trạm QLVR, lực lượng BVR; nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư trong công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR.
- Quản lý bảo vệ rừng và đất rừng ổn định, bền vững, có hiệu quả; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại đến tài nguyên rừng do phá rừng, cháy rừng gây ra.
- Đề ra những giải pháp quản lý, bảo vệ rừng phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, qua đó nâng cao khả năng quản lý, bảo vệ rừng trong thời gian tới.
- Chủ động về kinh phí, nhân lực, kế hoạch hoạt động và chủ động các biện pháp QLVR, PCCCR giúp cho việc theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và xử lý tình huống một cách hiệu quả nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại đến tài nguyên rừng.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng theo phương châm bốn tại chỗ “chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ” nhằm hạn chế thấp nhất số vụ cháy rừng và thiệt hại do cháy rừng gây ra.
- Các Trạm QLVR có trách nhiệm tổ chức lực lượng, chủ động tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; kịp thời ngăn chặn các hành vi phá rừng, khai thác lâm sản, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ rừng, PCCCR trên diện tích rừng được Công ty giao quản lý, bảo vệ.
- Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng các Trạm với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý,

bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng theo Quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các địa phương tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác QLBV, PCCCR trong lâm phận được giao.

- Vận động nhân dân và hộ nhận khoán tham gia bảo vệ rừng, PCCCR, đấu tranh tố giác đối tượng vi phạm đến tài nguyên rừng.

III. NỘI DUNG

1. Bảo vệ rừng

1.1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp như: Luật Lâm nghiệp 15/11/2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật; các quy định, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, huyện về triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ rừng và PCCCR.

- Tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, PCCCR đến từng hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn; tuyên truyền, vận động người dân tham gia tố giác tội phạm, đấu tranh phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR.

- Phối hợp với Đài phát thanh xã tăng cường đưa tin dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR đến rộng rãi người dân, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, các điểm có nguy cơ phá rừng.

- Xây dựng và thực hiện Chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về QLBV và PCCCR đảm bảo có nội dung cụ thể, thiết thực, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ và phù hợp cho từng lứa tuổi, từng đối tượng, tình hình thực tế địa phương.

- Phối hợp với các hội, đoàn thể của huyện, xã tuyên truyền về nội dung QLBV và PCCCR thông qua nhiều hình thức như sân khấu, đài phát thanh, panô,...

- Tổ chức giao lưu kết nghĩa với một số cộng đồng thôn, qua đó tuyên truyền công tác QLBV và PCCCR cũng như vai trò của rừng đối với xã hội.

- Tham gia họp thôn, lồng ghép nội dung tuyên truyền các văn bản pháp luật về lĩnh vực QLBV và PCCCR như Luật Lâm nghiệp, Luật Đất đai và Chỉ thị, Văn bản của các cấp, các ngành có liên quan đến công tác QLBV, PCCCR...

- Tổ chức tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các hộ dân sống ven rừng, hộ dân có rừng giáp ranh lâm phận Công ty quản lý thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng.

1.2. Thực hiện Quy chế phối hợp QLBRV-PCCCR

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp Công ty đã ký giữa lực lượng Kiểm lâm, UBND xã, các đơn vị chủ rừng nhằm huy động lực lượng đủ mạnh trong tuần tra, kiểm tra, truy quét ngăn chặn và xử lý các đối tượng vi phạm, cụ thể:

+ Địa bàn huyện Vĩnh Thạnh: Đã ký kết Quy chế phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh; Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Thạnh; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hà Nừng, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơ Pai, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ka Nát, Trạm Thực nghiệm, xã Nghĩa An - tỉnh Gia Lai; xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Hảo, Vĩnh Hòa, Vĩnh Quang và Vĩnh Thuận.

+ Địa bàn huyện Tây Sơn: Đã ký kết Quy chế phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn, Ban QL rừng phòng hộ Tây Sơn, UBND xã Bình Tân, UBND xã Bình Thuận và UBND xã Tây Thuận.

+ Địa bàn huyện Hoài Ân: Đã ký kết Quy chế với Công ty nguyên liệu giấy Qui Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Pisico Bình Định và Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân; xã Đák Mang, Bók Tới.

1.3. Tổ chức thực hiện QLBRV, PCCCR

a) Về bố trí, tổ chức lực lượng BVR trên các địa bàn

* **Trạm Thực nghiệm và QLBRV Vĩnh Sơn:** Gồm 01 Trạm và 04 Chốt.

Lực lượng QLBRV có 04 người chuyên trách, 01 hợp đồng người địa phương và 03 cộng đồng Thôn K2 + Suối Đá, K3 và K8 nhận khoán QLBRV;

Quản lý 07 tiểu khu 99, 109, 110, 123, 124, 134, 135 xã Vĩnh Sơn với tổng diện tích 2.844,07 ha (Rừng tự nhiên 2.707,84 ha; rừng trồng 17,3 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 11,44 ha; đất hộ dân đang canh tác 106 ha; đất trụ sở, vườn ươm: 1,49 ha).

* **Trạm QLBRV Suối Cát:** Gồm 01 Trạm và 01 Chốt.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLBRV, 01 hợp đồng người địa phương và 01 cộng đồng Thôn Suối Cát nhận khoán QLBRV;

Quản lý 02 tiểu khu 144 và 145 thuộc xã Vĩnh Sơn với tổng diện tích 1.899,16 ha (đất có rừng tự nhiên 1.800,5 ha; đất có rừng trồng 1,36 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 4,86 ha; đất hộ dân đang canh tác trên đất trống 92,44 ha).

* **Trạm QLBRV Cây Sưng:** Gồm 01 Trạm và 01 Chốt.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLBRV, 01 hợp đồng người địa phương;

Quản lý 03 tiểu khu 153, 154, 145A thuộc xã Vĩnh Hảo với tổng diện tích 1.897,11 ha (đất có rừng tự nhiên 1.864,25 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 7,72 ha; đất hộ dân đang canh tác 25,14 ha).

* **Trạm QLBRV Lò Than:** Gồm 01 Trạm và 02 Chốt.

Lực lượng: 04 chuyên trách QLBRV, 02 hợp đồng người địa phương.

Quản lý 10 tiểu khu 167, 168, 175, 183, 191. 210A xã Vĩnh Hảo; tiểu khu 210B, 217, 226 xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh; tiểu khu 152 xã Nghĩa An, huyện Kbang với tổng diện tích 4.436,39 ha (đất có rừng tự nhiên 3.860,36 ha;

đất có rừng trồng 160,56 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 58,07 ha; đất hộ dân đang canh tác 32,1ha; đất lấn chiếm 319,49 ha; đất phi nông nghiệp 5,81 ha).

*** Trạm QLVR Hà Nhe:** Gồm 01 Trạm và 01 Chốt dã chiến.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLVR.

Quản lý 06 tiểu khu là 236 xã Vĩnh Hòa và 227, 218 xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh; tiểu khu 258, 250A xã Tây Thuận và tiểu khu 259 xã Tây Giang, huyện Tây Sơn với tổng diện tích 315,55 ha (Rừng trồng 244,86 ha; đất chưa có rừng 3,96 ha; hộ dân lấn chiếm ranh biên 59,25 ha; đất lâm nghiệp 7,48 ha).

*** Trạm nghiên cứu và SXLN Bình Tân:** Gồm 01 Trạm.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLVR, vào mùa nắng nóng tăng cường 01 hợp đồng người dân địa phương.

Quản lý 03 tiểu khu là 242, 250A xã Bình Tân và 250B xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn với tổng diện tích 478,67 ha (Rừng trồng 470,2 ha; đất lâm nghiệp 5,47 ha; đất vườn ương 3,0 ha).

*** Đội 3 - Hoài Ân:** Gồm 01 Trạm và 03 Chốt dã chiến.

Lực lượng: 05 chuyên trách QLVR, 04 hợp đồng người dân địa phương.

Quản lý 03 tiểu khu là 92, 102 xã Đák Mang và 117B xã Bók Tới, huyện Hoài Ân với tổng diện tích 828,43 ha (Rừng tự nhiên 112,99 ha; rừng trồng 572,2 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 51,99 ha; đất trồng rừng 14,78 ha; đất chưa trồng rừng 23,9 ha; đất sinh lầy không thành rừng 52,57 ha).

Trạm trưởng Trạm QLVR là người chịu trách nhiệm lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Trạm, Đội mình quản lý, có trách nhiệm tuần tra, kiểm tra rừng và PCCCR trong lâm phận được giao.

(Chi tiết theo Biên bản bàn giao diện tích đất, hiện trạng rừng cho các Trạm, đội quản lý)

b) Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng, cháy rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, vận chuyển lâm sản trái Pháp luật

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 14/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp cấp bách PCCCR trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch Bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2025.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 08-CT/HU ngày 23/6/2021 của Huyện ủy Vĩnh Thạnh về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng cho người dân, các chủ rừng và các tổ chức, doanh nghiệp cá nhân có sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn huyện; Kế hoạch bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn các huyện Vĩnh Thạnh, Tây Sơn và Hoài Ân

- Xây dựng Kế hoạch tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn; xử lý nghiêm, kịp thời các vụ phá rừng, khai thác gỗ, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật.

- Tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, khai thác, mua, bán, vận chuyển lâm sản trên địa bàn.

c) Xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm tra rừng nhận khoán

- Lực lượng của cộng đồng thôn nhận khoán bảo vệ rừng: 04 cộng đồng thôn với 331 hộ thành viên (*Thôn K2 + Suối Đá: 64 hộ; Thôn K3: 47 hộ; Thôn K8: 136 hộ; Thôn Suối Cát: 84 hộ*) thuộc xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh.

- Xây dựng Phương án giao khoán BVR cho các cộng đồng thôn bằng nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng chi trả, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm tra cho các hộ thành viên tham gia bảo vệ rừng.

- Đối với các Thôn đã ký Quy ước BVR trong cộng đồng dân cư thôn cần đôn đốc nhắc nhở việc thực hiện Quy ước, xử lý nghiêm trong vấn đề để xảy ra vi phạm phá rừng nhận khoán hoặc đi phá rừng trái pháp luật, tổ chức kiểm điểm trước cộng đồng thôn bản, tùy theo mức độ vi phạm phải xử lý theo quy định của pháp luật và theo quy ước của cộng đồng thôn.

d) Xác định các vùng trọng điểm về phá rừng và khai thác, vận chuyển gỗ trái Pháp luật

Các Trạm QLBBVR trong quá trình tuần tra bảo vệ rừng trên lâm phận được giao quản lý phải xác định khu vực rừng có trữ lượng cao, cây rừng có đường kính lớn và một số chủng loại cây rừng có giá trị kinh tế cao; diện tích rừng giáp với khu sản xuất của nhân dân có nguy cơ phá rừng để làm nương rẫy để đánh dấu trên bản đồ và đề ra kế hoạch tuần tra kiểm soát thường xuyên các vùng đã đánh dấu. Cụ thể:

- Vùng trọng điểm có nguy cơ bị xâm hại phá rừng trái Pháp luật:

+ Địa bàn Trạm Thực nghiệm và QLBBVR Vĩnh Sơn: Khu vực khoảnh 5, 7 tiểu khu 110; Khu sản xuất Bá Diệp thuộc khoảnh 3 tiểu khu 134; Khu biên bờ hồ Trà Xom thuộc khoảnh 1, 3 tiểu khu 135; Khu sản xuất Đák Ta Ha thuộc khoảnh 1, 2 tiểu khu 134 - khoảnh 4, 6 tiểu khu 123; Khu sản xuất GNí thuộc khoảnh 2, 3 tiểu khu 134 - khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 123; Khu vực diện tích nương rẫy người dân canh tác lâu năm xen kẽ trong rừng tự nhiên sau làng K8 thuộc khoảnh 4, 5, 6 tiểu khu 123; Khu vực sau đồi Cam Nguyễn Huệ thuộc khoảnh 3, 5 tiểu khu 109 xã Vĩnh Sơn.

+ Địa bàn Trạm QLBBVR Suối Cát: Khu vực đường ống thủy điện Trà Xom thuộc khoảnh 1, 2 tiểu khu 145; Khu vực sau làng Suối Cát thuộc khoảnh 5, 6, 9 tiểu khu 145; Khu vực giáp ranh khu sản xuất cũ của làng K93 cũ thuộc khoảnh 4, 7 tiểu khu 145; Khu vực ven hồ thủy điện Trà Xom thuộc khoảnh 2 tiểu khu 144 và khoảnh 2 tiểu khu 145; Khu vực giáp ranh diện tích khai hoang đất sản xuất cho làng Suối Cát (*đường bê tông đi lên chốt lán bặt TK 144*) thuộc khoảnh 4 tiểu khu 144; Khu vực ruộng Bá Đá thuộc khoảnh 9 tiểu khu 144 và khoảnh 9 tiểu khu 145 xã Vĩnh Sơn.

+ Địa bàn Trạm QLBBVR Cây Sung: Khu vực đầu Suối Đák Lót thuộc khoảnh 4, 8 tiểu khu 153; Khu vực SX Đák Lót thuộc khoảnh 1, 3, 4 6 tiểu khu 154; Khu vực Suối Đák Pơ Nghe thuộc khoảnh 11 tiểu khu 145A xã Vĩnh Hảo.

+ Địa bàn Trạm QLBR Lò Than: Khu sản xuất Đák Hlút thuộc khoảnh 3, 5 tiểu khu 175; Khu sản xuất Đák Khâm, Đák Treng thuộc khoảnh 8, 12, 14 tiểu khu 168; Khu sản xuất Đák Chmun thuộc khoảnh 11, 13 tiểu khu 168; Khu sản xuất Đák Mắm thuộc khoảnh 3 tiểu khu 183; Khu sản xuất Chà Rang thuộc khoảnh 9 tiểu khu 168 xã Vĩnh Hảo.

e) Tổ chức tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng

** Lực lượng BVR của các Trạm:*

- Thực hiện theo kế hoạch Công ty đã xây dựng, hàng tuần Trạm trưởng có trách nhiệm lập kế hoạch công việc cụ thể cho từng thành viên trực thuộc, đảm bảo toàn bộ diện tích được giao quản lý không bị người dân xâm hại đến tài nguyên rừng và lấn chiếm đất lâm nghiệp của Công ty;

- Hàng tháng, Công ty xây dựng kế hoạch kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng đột xuất vào các ngày nghỉ, ngày lễ, tết để ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến rừng. Tùy tình hình cụ thể sẽ có Kế hoạch phù hợp, mỗi đợt đi kiểm tra từ 02 đến 04 ngày, lực lượng tham gia gồm có lực lượng của Công ty phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị rừng giáp ranh

- Lực lượng BVR phụ trách địa bàn có trách nhiệm phối hợp và theo dõi thường xuyên việc tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng của các Ban điều hành, hộ thành viên nhận khoán, ghi chép chặt chẽ vào sổ Nhật ký tuần tra và báo cáo kết quả hàng ngày cho Trạm trưởng theo dõi chỉ đạo.

** Lực lượng nhận khoán BVR của cộng đồng thôn:*

- Phân công người trực Chốt: Ban điều hành lập danh sách phân công người trực tại 04 Chốt QLBR là: Chốt 109, Chốt 123, Chốt 134 và Chốt 144 giáp ranh với huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đảm bảo mỗi Chốt phải có 01 người/ngày.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch tuần tra, kiểm tra BVR: Ban điều hành các thôn lập Kế hoạch đảm bảo hàng ngày đều có hộ thành viên phối hợp với lực lượng BVR Công ty tuần tra, kiểm tra rừng được giao khoán. Việc phân công các hộ thành viên đi kiểm tra rừng đảm bảo theo hướng hộ nhận diện tích nhiều thì phải đi nhiều hơn.

g) Đầu tư, trang bị phương tiện, công cụ hỗ trợ

- Phương tiện: 02 xe ô tô công ty và xe máy cá nhân của lực lượng BVR;

- Công cụ hỗ trợ: Hiện nay, Công ty đã trang bị cho lực lượng QLBR gồm có súng bắn đạn cao su; bình xịt hơi cay và gậy cao su. Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục trang bị thêm công cụ hỗ trợ để công tác QLBR được đảm bảo. (Kèm theo bảng kê trang thiết bị, công cụ BVR)

2. Phòng cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại rừng

a) Về phòng cháy rừng

- Nguyên nhân gây cháy rừng: Nguyên nhân chủ yếu là do con người dùng lửa thiếu ý thức gây ra cháy rừng như dùng lửa đun nấu trong rừng, ven rừng, phát thực bì nương rẫy cũ, chặt củi đốt than, đốt ong, vứt tàn thuốc bừa bãi, đốt

vàng mã... ; Do đó, khi thời gian nắng nóng kéo dài, nguy cơ xảy ra cháy rừng cao, cần áp dụng các giải pháp phòng cháy rừng:

- Phân vùng trọng điểm dễ cháy:

+ Khu vực Nước Poon, Hòn Chò: Diện tích rừng trồng 63,54 ha tại tiểu khu 210B, 217, 226 xã Vĩnh Thuận nằm xen kẽ trong diện tích 319,49 ha hộ dân lấn, chiếm và diện tích 139,77 ha diện tích rừng tự nhiên.

+ Khu vực rừng trồng Cà phê, Núi Trắc: Diện tích 73,17 ha tại tiểu khu 191 xã Vĩnh Hảo và tiểu khu 152 xã Nghĩa An, huyện Kbang nằm manh mún xen kẽ và giáp với nương rẫy hộ dân.

+ Khu vực rừng trồng Hà Nhe - Bờ Đấp: Tại tiểu khu 236 xã Vĩnh Hòa 113,5 ha; tiểu khu 250A, xã Tây Thuận 108,9 ha; tiểu khu 218, 227 xã Vĩnh Quang 22,46 ha tiếp giáp với nương rẫy của các hộ dân, tình hình các hộ dân phát rẫy, đốt dọn thực bì cho nên nguy cơ cháy rừng rất dễ xảy ra.

+ Khu vực Bình Tân: Diện tích quản lý 211,61 ha tại tiểu khu 242, 252A xã Bình Tân tiếp giáp với diện tích rừng trồng của nhiều chủ rừng khác nhau và nương rẫy của hộ dân nên nguy cơ cháy rất cao.

+ Khu vực Bình Thuận: Diện tích 258,59 ha tại tiểu khu 252B xã Bình Thuận tiếp giáp với diện tích rừng trồng của nhiều chủ rừng khác nhau và nương rẫy của hộ dân nguy cơ cháy rất cao.

+ Khu vực xã Đak Mang: Diện tích 485,9 ha tại tiểu khu 102 và tiểu khu 92, xã Đak Mang, giáp ranh rừng trồng Công ty TNHH nguyên liệu giấy Quy Nhơn và Nương rẫy của hộ dân xã Đak Mang;

+ Khu vực xã Bók Tới: Diện tích quản lý 86,3 ha tại tiểu khu 117B, xã Bok Tới, giáp ranh rừng trồng Công ty TNHH nguyên liệu giấy Quy Nhơn và Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân.

- Phân công lực lượng trực PCCCR:

Lực lượng QLBRV được phân công địa bàn cụ thể, phải đảm bảo trực 24/24h trong mùa nắng năm 2025, lập danh sách trực tại các vùng trọng điểm có nguy cơ dễ xảy ra cháy rừng cao.

*** Vùng trọng điểm có nguy cơ cao xảy ra cháy rừng:**

Số TT	Vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng	Loại rừng	Địa điểm xã	Bố trí lực lượng
I	Địa bàn Trạm QLBRV Lò Than			4
1	Khu vực Cà phê, Núi Trắc	Rừng trồng	Nghĩa An, Vĩnh Hảo	2
2	Khu vực rừng trồng Nước Poon - Soi Gà tiểu khu 210B, 217, 226	Rừng trồng	Vĩnh Thuận	2
II	Địa bàn Trạm QLBRV Hà Nhe			4
1	Khu vực tiểu khu 227, 218	Rừng trồng	Vĩnh Quang	4
	Khu vực Hà Nhe TK 236	Rừng trồng	Vĩnh Hòa	
	Khu vực Bờ Đấp, TK 250a	Rừng trồng	Tây Thuận	

III	Địa bàn Trạm QLVR Bình Tân			3
1	Khu vực Hòn Sinh tiểu khu 242, 252A	Rừng trồng	Bình Tân	3
2	Khu vực Gò Nanh Heo tiểu khu 252A, 252B	Rừng trồng	Bình Tân, Bình Thuận	
IV	Địa bàn Đội 3 - Hoài Ân			11
1	Khu vực rừng trồng TK 102, tiểu khu 92	Rừng trồng	Đák Mang	9
2	Rừng trồng tiểu khu 117B và tuyến đường lâm nghiệp	Rừng trồng	Bók Tới	2
	Tổng cộng			22

- Xây dựng bản đồ PCCCR: Trên cơ sở xác định vùng trọng điểm cháy rừng, đơn vị xây dựng bản đồ PCCCR tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/5.000 trên toàn diện tích quản lý. Trên bản đồ thể hiện vùng trọng điểm dễ cháy màu đỏ và thể hiện đường băng cản lửa, đường giao thông, đường mòn, ao, hồ, sông suối và một số công trình phục vụ phòng cháy rừng khác.

- Xây dựng băng cản lửa: Thực hiện tại những vị trí có nguy cơ cao xảy ra cháy rừng, diện tích lớn nhưng chưa có các điều kiện ngăn cản đám cháy lan ra những khu vực xung quanh.

*** Địa điểm xây dựng đường băng cản lửa:**

TT	Địa điểm xây dựng đường băng cản lửa	Chiều dài (m)	Ghi chú
Trạm QLVR Hà Nhe		950	
1	Tuyến 1: Lô e2, khoảnh 1, tiểu khu 250a	350	
2	Tuyến 2: Lô e3, khoảnh 1, tiểu khu 250a	600	
Trạm NC&SXG Bình Tâm		1.450	
1	Tuyến 1: Từ khu 4 Tường chạy về trại cũ Hòn Sinh	1.450	
Tổng cộng		2.400	

- Giảm vật liệu cháy: Tùy theo tình hình từng loại rừng cụ thể mà quyết định biện pháp đốt trước vật liệu cháy hoặc chuyển vật liệu cháy ra ngoài rừng để làm giảm khối lượng vật liệu cháy có trong rừng, giảm khả năng xảy ra cháy và giảm qui mô, tốc độ cháy. Nếu áp dụng biện pháp đốt trước thì trước khi đốt cần phát dọn dây leo, cành nhánh phía dưới tán cây, thu dọn vật liệu cháy ra khỏi gốc cây để làm giảm thiệt hại cho cây, mặt khác phải thử vài chục mét vuông sau đó căn cứ vào kết quả đốt thử, độ ẩm, vật liệu cháy, địa hình, hướng gió để xây dựng kế hoạch cụ thể mới tiến hành đốt. Tùy thuộc vào điều kiện khí hậu của từng vùng mà bố trí thời gian đốt thích hợp, khi đốt phải đảm bảo đủ lực lượng, phương tiện để khống chế ngọn lửa, đốt xong dập tắt hết lửa mới được ra về.

- Đối với hộ sản xuất nương rẫy ven rừng trong rừng: Phải xác định rõ ranh giới, cột mốc ngoài thực địa; trước và sau khi phát dọn thực bì, yêu cầu phải dọn cách xa biên rừng từ 8 - 10 m, đốt thực bì lúc gió nhẹ, vào chiều tối hoặc sáng sớm, từ phía giáp ranh rừng đốt ra và từ trên sườn đồi xuống, khi đốt phải có

người canh gác, lực lượng canh gác phải đủ sức cứu chữa khi lửa cháy lan vào rừng, trước khi đốt phải báo cáo với cơ quan chức năng gần nhất để có kế hoạch, chủ động ứng cứu khi có cháy rừng xảy ra.

- Dự báo cháy rừng: Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm quản lý cháy rừng; Căn cứ vào mối quan hệ đa chiều giữa các yếu tố thời tiết, nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và vật liệu cháy để dự tính, dự báo khả năng có thể xảy ra cháy rừng, kịp thời thông tin các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng sâu rộng đến cộng đồng dân cư nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

b) Phòng ngừa sâu bệnh hại rừng

Hiện nay, tình hình bệnh hại gây chết héo rừng trồng cây Keo Lai diễn biến rất phức tạp, bệnh ngày càng phát triển và có dấu hiệu lan rộng trên khắp địa bàn tỉnh Bình Định. Vì vậy, các cơ sở Trạm, Đội cần hết sức quan tâm, thường xuyên kiểm tra rừng trồng; nhất là, vào các tháng xuất hiện mưa nắng đan xen, khi phát hiện cây trồng bị sâu bệnh hại cần báo cáo ngay lập tức về cho Ban lãnh đạo Công ty, Phòng KH - KT để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Chữa cháy rừng

a) Biện pháp chữa cháy rừng

Triển khai thực hiện chữa cháy rừng theo phương châm **4 tại chỗ** “*Lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ*” và **4 sẵn sàng** “*sẵn sàng Lực lượng, sẵn sàng phương tiện, sẵn sàng hậu cần và sẵn sàng chỉ huy*”.

- Phương án chỉ huy: Tại điểm d khoản 2 Điều 37, Luật PCCC quy định “Cháy rừng nếu chủ rừng là cơ quan, tổ chức thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền là người chỉ huy chữa cháy, trưởng thôn, trưởng ấp, trưởng bản tại nơi xảy ra cháy có trách nhiệm tham gia chữa cháy. Nếu chủ rừng là hộ gia đình hoặc cá nhân thì trưởng thôn, trưởng bản hoặc người được ủy quyền tại nơi xảy ra cháy là người chỉ huy chữa cháy”. Người chỉ huy chữa cháy rừng phải nắm vững đặc điểm rừng, thực bì, giao thông, địa hình, lực lượng, dân cư trên địa bàn nơi mình phụ trách và được tập huấn kỹ thuật PCCCR. Người chỉ huy không nhất thiết phải trực tiếp dập lửa, mà chọn vị trí quan sát thuận lợi để điều động lực lượng, phương tiện, đội hình chữa cháy.

- Hiệu lệnh báo động khi xảy ra cháy rừng: Mệnh lệnh, tín hiệu, cờ hiệu trong chữa cháy phải được thống nhất. Về hiệu lệnh báo động: Dùng loa thông báo hoặc dùng trống, kèn (*03 tiếng một hồi liên tục*).

- Tổ chức huy động lực lượng chữa cháy rừng:

Khi phát hiện đám cháy, cơ quan chỉ đạo phải tùy tính chất, qui mô đám cháy, cường độ cháy, địa hình, tốc độ gió, hướng gió mà huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy cho phù hợp. Có thể sử dụng lực lượng thủ công hoặc kết hợp giữa lực lượng thủ công và cơ giới, làm thế nào để dập tắt đám cháy sớm nhất.

Kỹ thuật chữa cháy: Là sự hiểu biết áp dụng các phương pháp chữa cháy rừng trong từng tình huống với các đám cháy rừng khác nhau, cũng như cách sử dụng công cụ, dụng cụ, thiết bị và các kỹ thuật dập lửa khác nhau. Có 3 phương pháp cơ bản để

dập tắt đám cháy: Tấn công trực tiếp; bao vây đám cháy và đốt ngược chiều. Việc lựa chọn phụ thuộc vào diễn biến đám cháy, đặc điểm về vật liệu cháy, khả năng đáp ứng về lực lượng và trang thiết bị chữa cháy. Khi ngọn lửa lan chậm có xu hướng cháy về cả hai phía trái và phải, chiều cao ngọn lửa thấp, diện tích đám cháy còn nhỏ thì đội hình bố trí từ 8 - 10 người dùng cành cây tươi dài 1,5 - 2 m hay bao tải ướt, bàn đập, bình phun nước, đập thẳng vào đám cháy. Ngoài ra, có thể làm băng ngăn lửa ngay phía trước ngọn lửa, chiều rộng của băng khoảng 3m, trên băng bố trí người dùng cào, cuốc kéo vật liệu ra ngoài. Khi tốc độ gió mạnh đám cháy lan nhanh theo chiều gió thì đội hình sẽ bố trí hai bên đám cháy, lực lượng chữa cháy tiến từ trước ngọn lửa về cả hai phía cho đến khi ngọn lửa tắt hẳn. Một lực lượng dùng các dụng cụ dập lửa vào hai bên, gần phía sau đám cháy vì ở các vị trí này lửa lan chậm hơn phía trước. Đa số lực lượng còn lại làm băng tựa như ở trên.

b) Phương tiện, công cụ chữa cháy rừng

- Phương tiện: Gồm 02 xe ô tô và 100% cán bộ công nhân viên có xe máy cá nhân được Công ty hỗ trợ tiền xăng xe hàng tháng.

- Thông tin, liên lạc: Tại văn phòng, các Trạm có điện thoại cố định và 100% cán bộ công nhân viên có điện thoại di động được Công ty hỗ trợ tiền điện thoại hàng tháng.

- Công cụ, trang thiết bị phòng, chữa cháy rừng: Năm 2025 Công ty trang bị công cụ, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy rừng tại các cơ sở cụ thể để đảm bảo xử lý các vụ cháy xảy ra được kịp thời và hiệu quả. (Kèm theo bảng kê công cụ, trang thiết bị phòng, chữa cháy rừng).

IV. KINH PHÍ TUẦN TRA, TUYÊN TRUYỀN VÀ MUA SẮM THIẾT BỊ BVR, PCCCR

1. Tổng dự toán kinh phí: 401.760.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó:

TT	Nội dung	Kinh phí (đồng)
a)	Công tác QL BVR, PCCCR tự nhiên	314.440.000
-	Chi phí phối hợp chốt chặn, kiểm tra, truy quét BVR và xử lý vụ việc vi phạm liên quan đến công tác BVR	127.840.000
-	Chi phí phát dọn tuyến đường tuần tra BVR + biển cấm chặt phá rừng + sơn xịt	40.600.000
-	Chi phí hợp định kỳ công tác QL BVR với các chủ rừng giáp ranh tỉnh Gia Lai	16.000.000
-	Chi phí vận động, tuyên truyền và truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trong công tác QL BVR, PCCCR	14.000.000
-	Chi phí mua dụng cụ, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác QL BVR, PCCCR	136.000.000
-	Chi phí cho bên cung cấp tin báo vi phạm (Xây dựng hệ thống tin báo)	10.000.000

2. Nguồn kinh phí:

- Công tác quản lý BVR tự nhiên nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước.
- Công tác BVR, PCCCR rừng trồng: Vốn SXKD của Công ty.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ huy BVR - PCCCR

Kiện toàn Ban chỉ huy BVR- PCCCR của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn gồm 13 thành viên. Trong đó, Giám đốc Công ty làm Trưởng ban - Phụ trách chung; Phó Giám đốc làm Phó ban; các Trưởng phòng, Trạm trưởng và Đội trưởng trực thuộc Công ty làm thành viên.

(Kèm theo Quyết định kiện toàn và bảng phân công nhiệm vụ)

2. Phân công trách nhiệm

a) Trách nhiệm Lãnh đạo Công ty phân công trực tiếp phụ trách

- Quản lý, chỉ đạo trực tiếp toàn diện các hoạt động của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Phương án, Kế hoạch QLBR và PCCCR ở từng cơ sở Đội, Trạm QLBR.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra thường xuyên, đột xuất trong công tác QLBR để kịp thời phát hiện và đưa ra giải pháp thực hiện có hiệu quả trong công tác QLBR và quản lý đất đai được Nhà nước giao Công ty.
- Tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác QLBR ở cơ sở Đội, Trạm để kịp thời chấn chỉnh những tồn tại và đề ra những giải pháp để thực hiện tốt nhiệm vụ QLBR, PCCCR; đồng thời, xem xét khen thưởng đối với những chuyên trách bảo vệ rừng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và xử lý đối với những cá nhân không thực hiện đúng theo Nội quy, Quy chế của Công ty đề ra.

b) Trách nhiệm của các phòng nghiệp vụ

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng phòng chuyên môn nghiệp vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 133/QĐ-LNSK ngày 08/10/2024 về phê duyệt chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các Trạm, Đội trực thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn. Yêu cầu các Trưởng phòng có trách nhiệm thực hiện như sau:

- Phối hợp tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về công tác QLBR, PCCCR, quản lý đất đai trên lâm phận Nhà nước giao Công ty quản lý.

- Phối hợp tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về công tác QLVR, PCCC, quản lý đất đai trên lâm phần Nhà nước giao Công ty quản lý.

- Phối hợp xây dựng Phương án, Kế hoạch QLBR, PCCCR rừng hàng năm và theo dõi cập nhật diễn biến rừng theo quy định.

- Phân công cán bộ, nhân viên trong phòng theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị cơ sở Đội, Trạm QLBR về chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan để thực hiện tốt nhiệm vụ BVR-PCCCR.

c) Trách nhiệm của Đội cơ động

- Trực tiếp tham mưu cho Lãnh đạo Công ty thực hiện các nhiệm vụ trong công tác kiểm tra đột xuất theo kế hoạch trong công tác QLBR - PCCCR trên toàn bộ lâm phần Công ty quản lý .

- Phối hợp với UBND xã, Công an, Kiểm Lâm địa bàn và các chủ rừng nắm bắt thông tin về việc xâm hại đến tài nguyên rừng trên địa bàn Công ty quản lý. Huy động lực lượng tăng cường, hỗ trợ các Trạm, Chốt BVR ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra rừng, truy quét BVR và kế hoạch phối hợp xử lý vi phạm, nhổ bỏ cây trồng trái Pháp luật theo chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty hàng năm.

- Tham gia kiểm tra đột xuất theo Kế hoạch hàng tuần của Đội cơ động và theo kế hoạch của Công ty

d) Trách nhiệm của Đội trưởng, Trạm trưởng QLBR

- Quản lý, điều hành hoạt động lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng do Đội trưởng, Trạm trưởng quản lý theo Quy định này và các Quy định khác của Công ty và pháp luật liên quan. Chịu trách nhiệm về quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng, đất rừng và các tài sản của Công ty giao và chịu trách nhiệm liên đới trên địa bàn giao cho Đội, Trạm quản lý bảo vệ.

- Bố trí, phân công từng khu vực cho từng thành viên trong Đội, Trạm thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, trực tại các Trạm, Chốt bảo vệ rừng và triển khai một số nhiệm vụ khác trên địa bàn.

- Hàng tuần, phải xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác QLBR, PCCCR đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ và tổng hợp báo cáo kết quả hàng tuần.

- Khi trên địa bàn nếu xảy ra vụ việc xâm hại rừng, lấn chiếm đất đai thì Đội trưởng, Trạm trưởng có trách nhiệm tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường vi phạm, tổ chức lực lượng ngăn chặn và hướng dẫn lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng hoàn chỉnh các trình tự, thủ tục hồ sơ ban đầu theo quy định, tiến hành mời kiểm lâm địa bàn, lâm nghiệp hoặc địa chính xã và bên nhận khoán (nếu có) đi kiểm tra xác định hiện trường, xác minh và làm việc với đối tượng nghi vấn (nếu có), sau đó báo cáo theo đúng thời gian (không quá 02 ngày).

Trường hợp trên địa bàn xảy ra có diễn biến phức tạp vượt khả năng xử lý của Đội trưởng, Trạm trưởng thì nhanh chóng kịp thời báo cáo cho Đội trưởng đội cơ động và Lãnh đạo phụ trách để huy động tăng cường lực lượng hỗ trợ để tổ chức ngăn chặn, xử lý kịp thời.

Hàng tháng, phải triển khai họp đánh giá tình hình diễn biến trên địa bàn khu vực được giao cho Đội, Trạm quản lý và đề ra giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo. Đối với khu vực rừng tự nhiên phải tổ chức họp Ban điều hành các cộng đồng hàng tháng để đánh giá tình hình triển khai thực hiện theo Phương án, Hợp đồng đã ký kết và phải tham gia các cuộc họp Thôn tổ chức hàng tháng, để nắm tình hình và lồng ghép tuyên truyền, vận động người dân chấp hành tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Các Trạm QL BV R, Đội cơ động BV R-PCCCR và các phòng nghiệp vụ công ty phối hợp triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về Ban Chỉ huy BV R-PCCCR công ty theo đúng quy định./.

TỜ TRÌNH
V/v đề nghị ban hành Kế hoạch QLBR và PCCCR năm 2025

Kính gửi: Chủ tịch Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2021 - 2025 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2024 – 2030 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn.

Kính trình Chủ tịch Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn xem xét ban hành Kế hoạch Quản lý bảo vệ và Phòng cháy chữa cháy rừng năm 2025, nội dung chính sau:

1. Mục tiêu của Kế hoạch: Triển khai thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, ngăn chặn tối đa các hành vi xâm hại rừng và các vụ cháy rừng gây thiệt hại đến tài nguyên rừng Công ty quản lý.

2. Địa điểm: Toàn bộ diện tích đất, rừng Công ty quản lý tại: Tiểu khu 99, 109, 110, 123, 124, 134, 135, 144 và 145 xã Vĩnh Sơn; tiểu khu 145A, 153, 154, 167, 168, 175, 183, 191 và 210A xã Vĩnh Hảo; tiểu khu 210B, 217 và 226 xã Vĩnh Thuận; tiểu khu 227, 218 xã Vĩnh Quang; tiểu khu 236 xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh. Tại tiểu khu 250A và 258 xã Tây Thuận; tiểu khu 259 xã Tây Giang; tiểu khu 242, 252A xã Bình Tân; tiểu khu 252B xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn. Tại tiểu khu 92, 102 xã Đák Mang; tiểu khu 117B xã Bók Tới, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định và tiểu khu 152 xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

3. Diện tích, hiện trạng đất, rừng bàn giao các đội, trạm quản lý

a) Trạm Thực nghiệm và QLBR Vĩnh Sơn: Gồm 01 Trạm và 04 Chốt.

Lực lượng QLBR có 04 người chuyên trách, 01 hợp đồng người địa phương và 03 cộng đồng Thôn K2 + Suối Đá, K3 và K8 nhận khoán QLBR;

Quản lý 07 tiểu khu 99, 109, 110, 123, 124, 134, 135 xã Vĩnh Sơn với tổng diện tích 2.844,07 ha (Rừng tự nhiên 2.707,84 ha; rừng trồng 17,3 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 11,44 ha; đất hộ dân đang canh tác 106 ha; đất trụ sở, vườn ươm: 1,49 ha).

b) Trạm QLBR Suối Cát: Gồm 01 Trạm và 01 Chốt.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLBR, 01 hợp đồng người địa phương và 01 cộng đồng Thôn Suối Cát nhận khoán QLBR;

Quản lý 02 tiểu khu 144 và 145 thuộc xã Vĩnh Sơn với tổng diện tích 1.899,16 ha (đất có rừng tự nhiên 1.800,5 ha; đất có rừng trồng 1,36 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 4,86 ha; đất hộ dân đang canh tác trên đất trống 92,44 ha).

c) Trạm QLBR Cây Sung: Gồm 01 Trạm và 01 Chốt.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLBR, 01 hợp đồng người địa phương;

Quản lý 03 tiểu khu 153, 154, 145A thuộc xã Vĩnh Hảo với tổng diện tích 1.897,11 ha (đất có rừng tự nhiên 1.864,25 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 7,72 ha; đất hộ dân đang canh tác 25,14 ha).

d) Trạm QLBR Lò Than: Gồm 01 Trạm và 02 Chốt.

Lực lượng: 04 chuyên trách QLBR, 02 hợp đồng người địa phương.

Quản lý 10 tiểu khu 167, 168, 175, 183, 191, 210A xã Vĩnh Hảo; tiểu khu 210B, 217, 226 xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thạnh; tiểu khu 152 xã Nghĩa An, huyện Kbang với tổng diện tích 4.436,39 ha (đất có rừng tự nhiên 3.860,36 ha; đất có rừng trồng 160,56 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 58,07 ha; đất hộ dân đang canh tác 32,1ha; đất lấn chiếm 319,49 ha; đất phi nông nghiệp 5,81 ha).

đ) Trạm QLBR Hà Nhe: Gồm 01 Trạm và 01 chốt dã chiến.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLBR.

Quản lý 06 tiểu khu là 236 xã Vĩnh Hòa và 227, 218 xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh; tiểu khu 258, 250A xã Tây Thuận và tiểu khu 259 xã Tây Giang, huyện Tây Sơn với tổng diện tích 315,55 ha (Rừng trồng 244,86 ha; đất chưa có rừng 3,96 ha; hộ dân tranh chấp, lấn chiếm ranh biên 59,25 ha; đất lâm nghiệp 7,48 ha).

e) Trạm nghiên cứu và Sản xuất lâm nghiệp Bình Tân: Gồm 01 Trạm.

Lực lượng: 03 chuyên trách QLBR, vào mùa nắng nóng tăng cường thêm 01 hợp đồng người dân địa phương.

Quản lý 03 tiểu khu là 242, 250A xã Bình Tân và 250B xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn với tổng diện tích 478,67 ha (Rừng trồng 470,2 ha; đất lâm nghiệp 5,47 ha, đất vườn ươm 3,0 ha).

f) Đội 3 - Hoài Ân: Gồm 01 Trạm và 03 chốt dã chiến.

Lực lượng: 05 chuyên trách QLVR, 04 hợp đồng người dân địa phương.

Quản lý 03 tiểu khu là 92, 102 xã Đák Măng và 117B xã Bók Tới, huyện Hoài Ân với tổng diện tích 828,43 ha (*Rừng tự nhiên 112,99 ha; rừng trồng 572,2 ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng 51,99 ha; đất trồng rừng 14,78 ha; đất chưa trồng rừng 23,9 ha; đất sinh lầy không thành rừng 52,57 ha*).

4. Nội dung thực hiện: Quản lý bảo vệ và phòng cháy chữa cháy diện tích rừng Công ty đang quản lý.

(Kèm theo Kế hoạch QLVR & PCCCR năm 2025).

5. Kinh phí tuần tra, tuyên truyền và mua sắm thiết bị VR, PCCCR

5.1. Tổng kinh phí: 401.760.000 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó:

a) Chi phí rừng tự nhiên: 314.400.000 đồng.

- Chi phí phối hợp chốt chặn, kiểm tra, truy quét VR và xử lý vụ việc vi phạm liên quan đến công tác VR 127.840.000 đồng.

- Chi phí phát dọn tuyến đường tuần tra VR, biển cấm chặt phá rừng, sơn xịt: 40.600.000 đồng.

- Chi phí hợp định kỳ công tác QLVR với các chủ rừng giáp ranh tỉnh Gia Lai (04 Trạm x 4 đợt/năm): 16.000.000 đồng.

- Chi phí vận động, tuyên truyền và truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trong công tác QLVR, PCCCR (07 thôn): 14.000.000 đồng.

- Chi phí mua dụng cụ, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác QLVR, PCCCR: 136.000.000 đồng.

- Chi phí cho bên cung cấp tin báo vi phạm (Xây dựng hệ thống tin báo): 10.000.000 đồng.

b) Chi phí rừng trồng: 87.320.000 đồng

- Công tác vận động, tuyên truyền PCCCR: 22.000.000 đồng.

- Hỗ trợ cho công tác PCCCR: 23.000.000 đồng.

- Xây dựng các công trình PCCCR: 11.700.000 đồng.

- Mua sắm, sửa chữa dụng cụ PCCCR: 27.620.000 đồng.

- Dự phòng khen thưởng, khuyến khích: 3.000.000 đồng.

5.2. Nguồn kinh phí: Kinh phí phục vụ công tác QLVR, PCCCR tự nhiên từ nguồn ngân sách; kinh phí QLVR, PCCC rừng trồng từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Kèm theo dự toán QLVR, PCCCR năm 2025)

Kính trình Chủ tịch Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn xem xét phê duyệt ban hành Kế hoạch Quản lý bảo vệ và Phòng cháy chữa cháy rừng năm 2025 để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KH. *20/11/24*



GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Hẻ

DỰ TOÁN KINH PHÍ
Tuần tra, tuyên truyền và mua sắm thiết bị BVR, PCCCR năm 2025

Căn cứ theo Kế hoạch QL BVR và PCCCR năm 2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn. Phòng KH -KT lập dự toán kinh phí tuần tra, tuyên truyền và mua sắm thiết bị BVR, PCCCR năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	CHI PHÍ RỪNG TỰ NHIÊN				313.840.000	
1	Chi phí phối hợp chốt chặn, kiểm tra, truy quét BVR và xử lý vụ việc vi phạm liên quan đến công tác BVR				127.840.000	
a	Chi phí phối hợp chốt chặn, tuần tra, kiểm tra				52.800.000	
	Lực lượng Kiểm lâm phối hợp tại Trạm Lò Than + Cây Sung (14 công/tháng x 12 tháng)	Công	168	50.000	8.400.000	
	Lực lượng Kiểm lâm phối hợp tại Trạm Suối Cát (22 công/tháng x 12 tháng)	Công	264	50.000	13.200.000	
	Lực lượng Lâm nghiệp xã phối hợp tại Chốt Gní (26 công/tháng x 12 tháng)	Công	312	50.000	15.600.000	
	Lực lượng Lâm nghiệp xã tại Trạm Suối Cát (26 công/tháng x 12 tháng)	Công	312	50.000	15.600.000	
b	Chi phí tuần tra, truy quét bảo vệ rừng đột xuất				35.040.000	
	Chi phí cho lực lượng BVR tại chỗ làm đêm tại các Trạm, chốt (04 người x 02 đợt/tháng x 02 đêm/đợt x 12 tháng)	Công	192	70.000	13.440.000	
	Chi phí cho lực lượng các chủ rừng, cơ quan chức năng tham gia phối hợp tuần tra, truy quét (06 người, x 12 đợt x 02 ngày, đêm/đợt)	Công	144	150.000	21.600.000	
c	Chi phí xử lý vụ việc vi phạm (nhổ bỏ cây trồng, vụ việc liên quan đến công tác BVR): Thực hiện 05 kế hoạch/năm	KH	5	8.000.000	40.000.000	
2	Chi phí phát dọn tuyến đường tuần tra BVR + biển cấm chặt phá rừng + sơn xịt				40.000.000	
a	Chi phí phát dọn tuyến đường tuần tra BVR 33 km; phát dọn 04 đợt/năm (Lò Than 07 km; Suối Cát 07 km; Cây Sung 07 km; Vĩnh Sơn 12 km)	Km	132	250.000	33.000.000	
b	Chi phí làm bảng cấm chặt phá rừng (04 Trạm, mỗi Trạm 03 bảng)	Bảng	120	50.000	6.000.000	

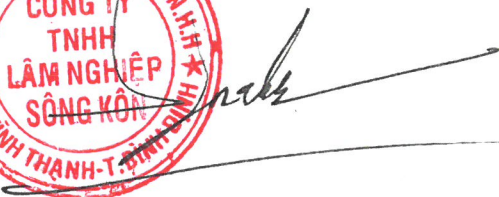
c	Chi phí mua sơn xịt đánh dấu các biên nương rẫy (04 Trạm, mỗi Trạm 10 bình)	Bình	40	25.000	1.000.000	
3	Chi phí hợp định kỳ công tác QLBRV với các chủ rừng giáp ranh tỉnh Gia Lai: 04 Trạm x 4 đợt/năm	Đợt	16	1.000.000	16.000.000	
4	Chi phí vận động, tuyên truyền và truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trong công tác QLBRV, PCCCR: 07 thôn	Thôn	7	2.000.000	14.000.000	
5	Chi phí mua dụng cụ, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác QLBRV, PCCCR				136.000.000	
	Mua hệ thống thiết bị bay không người lái (Flycam)	Bộ	1	70.000.000	70.000.000	
	Bộ camera giám sát không dây + thẻ sim 4G (Tiền sim 50.000 đồng + Phí đăng ký gói 4G 160.000 đồng/tháng)	Bộ	2	5.500.000	11.000.000	
	Mua sắm bổ sung dụng cụ, công cụ hỗ trợ QLBRV (bình hơi cay, roi điện...)				10.000.000	
	Chi phí in bản đồ các khu vực trọng tâm, trọng điểm trong công tác QLBRV, PCCCR	Bộ	2	2.000.000	4.000.000	
	Mua máy vi tính laptop Trạm Suối Cát	Bộ	1	15.000.000	15.000.000	
	Mua bộ đèn năng lượng nhỏ cho Đội cơ động	Bộ	1	3.000.000	3.000.000	
	Mua sắm bình ắc quy + bộ sạc (03 Chốt 109, 123, 134)	Bộ	3	4.000.000	12.000.000	
	Trang bị 03 trụ đèn năng lượng (Cây Sừng 02, Lò Than 01)	Bộ	3	2.000.000	6.000.000	
	Mua 05 tấm bạt của 05 Chốt dã chiến	Tấm	5	1.000.000	5.000.000	
6	Chi phí cho bên cung cấp tin báo vi phạm (Xây dựng hệ thống tin báo)				10.000.000	
II.	CHI PHÍ RỪNG TRỒNG				87.320.000	
1	Công tác vận động, tuyên truyền PCCCR				22.000.000	
a	Chi phí phối hợp với các Thôn trên địa bàn làm công tác tuyên truyền vận động				10.000.000	
	Địa bàn Trạm NC-SXLN Bình Tân	Tháng	5	500.000	2.500.000	
	Địa bàn Đội III - Hoài Ân	Tháng	5	500.000	2.500.000	
	Địa bàn Trạm QLBRV Hà Nhe	Tháng	5	500.000	2.500.000	
	Địa bàn Trạm Nước Poon	Tháng	5	500.000	2.500.000	
b	Chi phí tập huấn cho lực lượng BVR chuyên trách				12.000.000	
	Địa bàn Tây Sơn	Đợt	2	3.000.000	6.000.000	
	Địa bàn Hoài Ân	Đợt	2	3.000.000	6.000.000	
2	Hỗ trợ cho công tác PCCCR				23.000.000	
	Dự kiến nhân công tham gia chữa cháy	Công	80	200.000	16.000.000	
	Hỗ trợ ban PCCCR địa phương	Xã	7	1.000.000	7.000.000	

3	Xây dựng các công trình PCCCR				11.700.000	
	Xây dựng đường băng cản lửa	km	2,40	4.000.000	9.600.000	
	Xây dựng bản đồ bàn giao, vùng trọng điểm	Bản	21	100.000	2.100.000	
4	Mua sắm, sửa chữa dụng cụ PCCCR				27.620.000	
	Rựa	Cái	7	100.000	700.000	
	Can đựng nước 5 lít	Cái	19	30.000	570.000	
	Đèn pin sạc điện	Cái	17	150.000	2.550.000	
	Cào cỏ	Cái	5	50.000	250.000	
	Cuốc	Cái	2	100.000	200.000	
	Bảng cấm lửa	Cái	5	50.000	250.000	
	Máy tính Laptop Trạm Hà Nhe	Bộ	1	15.000.000	15.000.000	
	Bộ phát Wifi	Bộ	1	1.500.000	1.500.000	
	Bộ camera giám sát không dây + thẻ sim 4G (Tiền sim 50.000 đồng + Phí đăng ký gói 4G 160.000 đồng/tháng)	Bộ	1	5.500.000	5.500.000	
	Sửa chữa máy Bơm nước				600.000	
	Sửa chữa máy Cưa xăng				500.000	
	Xăng cho máy thổi gió và cắt cỏ	Lít	25	25.000	625.000	
5	Dự phòng khen thưởng, khuyến khích	Người	15	200.000	3.000.000	
Tổng cộng (I + II)					401.160.000	

(Bốn trăm lẻ một triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng)

Vĩnh Thanh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Hỷ

PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Hồng Nguyên

Người lập



Lại Thị Nhung

PHÒNG KH - KT



Nguyễn Đăng Quang

PHÒNG KT - TC



Trần Thị Kim Soa

PHÒNG TC - HC



Nguyễn Văn Xuôi

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc kiện toàn Ban chỉ huy về các vấn đề cấp bách
trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng
Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn
(Gọi tắt Ban chỉ huy BVR và PCCCR)**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2021 - 2025 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2024 – 2030 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn;

Xét đề nghị Trưởng phòng TC-HC Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay kiện toàn Ban Chỉ huy QL BVR - PCCCR của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, gồm các ông bà có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Phân công
1	Hồ Văn Hề	Giám đốc	Trưởng ban
2	Võ Hồng Nguyên	Phó Giám đốc	Phó ban
3	Nguyễn Văn Xuôi	Trưởng phòng TC-HC	Ủy viên
4	Trần Thị Kim Soa	Kế toán trưởng	Ủy viên
5	Nguyễn Đăng Quang	Trưởng phòng KH-KT	Ủy viên
6	Trần Hữu Chiến	Trạm trưởng Trạm QL BVR Lò Than	Ủy viên
7	Đinh Nghin	Trạm trưởng Trạm QL BVR Cây Sung	Ủy viên

8	Đặng Bá Thắng	Trạm trưởng Trạm QLVR Suối Cát	Ủy viên
9	Lê Như Tâm	Trạm trưởng Trạm TN & QLVR Vĩnh Sơn	Ủy viên
10	Nguyễn Văn Tèo	Trạm trưởng Trạm QLVR Hà Nhe	Ủy viên
11	Đặng Hồng Hoàng	Trạm phó Trạm NC&SXLN Bình Tân	Ủy viên
12	Võ Thanh Tuấn	Đội trưởng Đội III - Hoài Ân	Ủy viên
13	Lê Công Tám	Đội phó Đội cơ động BVR-PCCCR	Ủy viên

Điều 2. Ban Chỉ huy QLVR - PCCCR Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy năm 2025 và những yêu cầu của công tác QLVR-PCCCR do Giám đốc Công ty quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Thạnh;
- Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn;
- Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Hỷ

Số: 03 /QĐ-LNSK

Vĩnh Thanh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (gọi tắt Ban Chỉ huy BVR và PCCCR)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP SÔNG KÔN

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định về phòng cháy chữa cháy rừng;

Căn cứ Quyết định số 3348/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn;

Thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2021 - 2025 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn đã được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt;

Thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2024 – 2030 của Công ty TNHH lâm nghiệp Sông Kôn.

Căn cứ Quyết định số 02 /QĐ-LNSK ngày 02/01/2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn về việc kiện toàn Ban chỉ huy BVR và PCCCR.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động của Ban chỉ huy BVR - PCCCR Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty và các thành viên Ban chỉ huy BVR và PCCCR chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

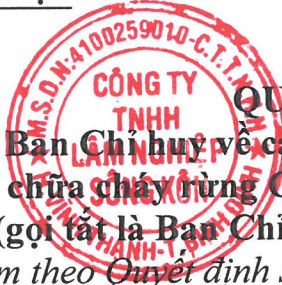
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Thanh;
- Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn;
- Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân;
- Lưu: VT, TCHC. *Ưư*

GIÁM ĐỐC



Hồ Văn Hề



QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ huy về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (gọi tắt là Ban Chỉ huy BVR và PCCCR)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-LNSK ngày 02 / 01 /2025 của Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ban Chỉ huy BVR và PCCCR Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn được kiện toàn theo Quyết định số 02 /QĐ-LNSK ngày 02 / 01 /2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn (gọi tắt là Ban Chỉ huy), có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty đề ra.

Điều 2. Ban chỉ huy đặt tại Phòng của đồng chí Hồ Văn Hề - Giám đốc Công ty, được sử dụng con dấu và sử dụng bộ máy của Công ty để giúp cho Ban Chỉ huy.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM BAN CHỈ HUY BVR VÀ PCCCR

Điều 3. Ban Chỉ huy BVR và PCCCR có trách nhiệm

1. Kiểm tra, đôn đốc các Trạm, Đội QLБVR trực thuộc (nơi có rừng) xây dựng kế hoạch QLБVR và PCCCR; tuyên truyền, phổ biến các văn bản về bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường thực hiện các biện pháp cấp bách trong bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy ở các đơn vị trực thuộc; chuẩn bị phương tiện, nhân lực để chủ động phòng cháy, chữa cháy rừng ở các địa bàn hoạt động của Công ty.

2. Hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch QLБVR và PCCCR theo Phương án, kế hoạch QLБVR và PCCCR của Công ty với phương châm 4 tại chỗ: “Lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ và chỉ huy tại chỗ”.

3. Kết hợp với lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, Chính quyền địa phương truy quét lâm tặc, có nhiệm vụ giúp giám đốc xây dựng kế hoạch QLБVR, PCCCR và triển khai Phương án, kế hoạch QLБVR và PCCCR, thực hiện các biện pháp phòng, chống phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp.

4. Tổ chức các lớp tập huấn về PCCCR cho các đơn vị trực thuộc, tổ cơ động và tham gia các lớp tập huấn của cấp trên tổ chức.

5. Tổ chức tuyên truyền công tác QLБVR và PCCCR bằng nhiều hình thức sinh động, hiệu quả (*như thi QLБVR giỏi, thi PCCCR ...*).
6. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác QLБVR và PCCCR.
7. Hàng năm lập kế hoạch kinh phí hoạt động Ban Chỉ huy, trình Giám đốc phê duyệt.
8. Thống kê tổng hợp số liệu phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp, cháy rừng ở các đơn vị để báo cáo Giám đốc, Trưởng ban chỉ huy BVR, PCCCR các cấp theo yêu cầu.
9. Kiểm tra việc thực hiện công tác BVR và PCCCR của các Đội, Trạm QLБVR.

Chương III **NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

Điều 4. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy BVR và PCCCR được chi từ kinh phí PCCCR tỉnh cấp và của Công ty. Giao thường trực Ban Chỉ huy xây dựng kế hoạch trình Giám đốc phê duyệt.

Điều 5. Ban Chỉ huy BVR và PCCCR làm việc theo chế độ Thủ trưởng phân công trách nhiệm. Các chủ trương về công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng được tập thể Ban chỉ huy bàn bạc thống nhất, Trưởng ban ra lệnh thực hiện các biện pháp BVR và PCCCR nhằm xử lý kịp thời khi xảy ra lấn chiếm đất lâm nghiệp, chặt phá rừng và cháy rừng.

Điều 6. Ban Chỉ huy BVR và PCCCR họp định kỳ một tháng 1 lần để đánh giá tình hình thực hiện công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Thường trực Ban chỉ huy có thể triệu tập họp Ban chỉ huy hoặc bộ phận thường trực bàn biện pháp đối phó khẩn cấp khi có nguy cơ phá rừng, cháy rừng xảy ra trên diện rộng hoặc có tác hại lớn.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Quy chế này được áp dụng cho Ban chỉ huy BVR và PCCCR của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn được kiện toàn theo Quyết định số 02/QĐ-LNSK ngày 02/01/2025 của Công ty.

Điều 8. Trong quá trình thực hiện Quy chế này có vướng mắc, các thành viên báo cáo Trưởng ban chỉ huy để sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

Số: 15 /TB-LNSK

Vĩnh Thanh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

**V/v phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy
quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng
Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn**

Thực hiện Quyết định 02/QĐ-LNSK ngày 01/01/2025 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn về việc kiện toàn Ban Chỉ huy về các vấn đề cấp bách trong quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) và phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn.

Ban chỉ huy QLBVR và PCCCR Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy như sau:

- Ông Hồ Văn Hê - Giám đốc Công ty. Trưởng ban: Phụ trách chung.
- Ông Võ Hồng Nguyên - Phó Giám đốc Công ty. Phó ban: Giúp Trưởng ban tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy khi được ủy quyền; thay mặt Trưởng ban điều hành giải quyết công việc của Ban Chỉ huy khi Trưởng ban đi vắng.
- Ông Nguyễn Văn Xuôi, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính. Ủy viên: Phụ trách công tác điều động nhân lực, các loại xe, máy khi có yêu cầu của Ban Chỉ huy BVR và PCCCR. Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban và các Phó trưởng ban, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy BVR và PCCCR trực tiếp triển khai công tác bảo vệ rừng và Kế hoạch QLBVR và PCCCR hàng năm.
- Ông Nguyễn Đăng Quang, Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật. Ủy viên: Phụ trách việc lập kế hoạch xin kinh phí QLBVR và PCCCR trong năm.
- Bà Trần Thị Kim Soa - Kế toán trưởng. Ủy viên: Phụ trách công tác tài chính và công tác hậu cần.
- Các ông Trạm trưởng, Đội trưởng QLBVR chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai công tác bảo vệ rừng và Phương án, kế hoạch QLBVR và PCCCR trên địa bàn của đơn vị mình quản lý, điều động lực lượng của đơn vị mình tham gia BVR và PCCCR khi có yêu cầu của Ban Chỉ huy BVR và PCCCR Công ty.

Các thành viên được phân công phối hợp với các đơn vị trực thuộc giúp Ban Chỉ huy BVR và PCCCR Công ty thực hiện tốt theo Phương án, Kế hoạch QLBVR và PCCCR của Công ty.

Căn cứ nội dung thông báo này, yêu cầu các thành viên có tên phối hợp tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ huy BVR-PCCCR cty;
- Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Thạnh;
- Hạt Kiểm lâm huyện Tây Sơn;
- Hạt Kiểm lâm huyện Hoài Ân;
- Lưu: VT, TCHC. *Wu*



GIAM ĐỐC

Hồ Văn Hề

DANH SÁCH
CBCNV VÀ LỰC LƯỢNG BẢO VỆ RỪNG NĂM 2025

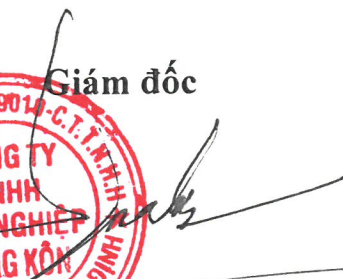
I. Ban Chỉ huy QLБVR và PCCCR

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Ông: Hồ Văn Hề | Giám đốc. Trưởng ban; |
| 2. Ông: Võ Hồng Nguyên | Phó Giám đốc. Phó ban; |
| 3. Ông: Nguyễn Văn Xuôi | Trưởng phòng TC-HC. Ủy viên; |
| 4. Bà: Trần Thị Kim Soa | Kế toán trưởng. Ủy viên; |
| 5. Ông: Nguyễn Đăng Quang | Trưởng phòng KH-KT. Ủy viên; |
| 6. Ông: Trần Hữu Chiến | Trạm trưởng Trạm QLБVR Lò Than. Ủy viên; |
| 7. Ông: Đinh Nghin | Trạm trưởng Trạm QLБVR Cây Sung; Ủy viên; |
| 8. Ông: Đặng Bá Thắng | Trạm trưởng Trạm QLБVR Suối Cát; Ủy viên; |
| 9. Ông: Lê Như Tâm | Trạm trưởng Trạm TN&QLБVR Vĩnh Sơn; Ủy viên; |
| 10. Ông: Nguyễn Văn Tèo | Trạm trưởng Trạm QLБVR Hà Nhe; Ủy viên; |
| 11. Ông: Đặng Hồng Hoàng | Trạm phó Trạm NC&SXLN Bình Tân. Ủy viên; |
| 12. Ông: Võ Thanh Tuấn | Đội trưởng Đội III - Hoài Ân. Ủy viên; |
| 13. Ông: Lê Công Tám | Đội phó Đội cơ động. Ủy viên. |

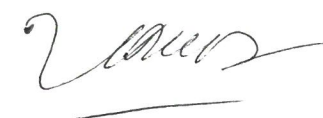
II. Các Đội, Trạm QLБVR

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I	Tổ 1 – Khu vực xã Vĩnh Hảo và Vĩnh Thuận		
1	Trần Hữu Chiến	Trạm trưởng QLБVR Lò Than	Tổ trưởng
2	Đinh Nghin	Trạm trưởng QLБVR Cây Sung	Tổ phó
3	Nguyễn Mộng Anh	Trạm phó QLБVR Lò Than	
4	Huỳnh Ngọc Vũ	NV Trạm QLБVR Lò Than	
5	Đinh Văn Bình	NV Trạm QLБVR Lò Than	
6	Đinh Văn Quốc	NV Trạm QLБVR Lò Than	
7	Đinh Văn Thuận	NV Trạm QLБVR Lò Than	
8	Lê Văn Tâm	NV Trạm QLБVR Cây Sung	
9	Đinh Rắc	NV Trạm QLБVR Cây Sung	
10	Đinh Văn Nghị	NV Trạm QLБVR Cây Sung	
II	Tổ 2 – Khu vực xã Vĩnh Sơn		
1	Lê Như Tâm	Trạm trưởng Trạm TN và QLБVR Vĩnh Sơn	Tổ trưởng
2	Đặng Bá Thắng	Trạm trưởng Trạm QLБVR Suối Cát	Tổ phó
3	Lê Công Tám	Đội phó Đội cơ động	Tổ phó
4	Nguyễn Văn Ninh	Trạm phó Trạm TN và QLБVR Vĩnh Sơn	

5	Đinh Văn Phót	Trạm phó Trạm TN và QLVR Vĩnh Sơn	
6	Đinh Khuất	NV Trạm TN và QLVR Vĩnh Sơn	
7	Đinh Truyền	NV Trạm TN và QLVR Vĩnh Sơn	
8	Đinh Khốp	NV Trạm TN và QLVR Vĩnh Sơn	
9	Nguyễn Thái Thạch	Trạm phó Trạm QLVR Suối Cát	
10	Đỗ Nguyễn Hoàng Đức	NV Trạm QLVR Suối Cát	
11	Đinh Văn Thê	NV Trạm QLVR Suối Cát	
12	Nguyễn Văn Thi	NV Đội cơ động	
II	Tổ 3 - Xã Vĩnh Quang, Vĩnh Hòa - V. Thạnh và huyện Tây Sơn		
1	Đặng Hồng Hoàng	Trạm trưởng NC & SXLN Bình Tân	Tổ trưởng
2	Nguyễn Văn Tèo	Trạm trưởng QLVR Hà Nhe	Tổ phó
3	Lê Đình Huynh	NV. Trạm QLVR Hà Nhe	
4	Nguyễn Trúc Lăng	NV. Trạm QLVR Hà Nhe	
5	Trần Hữu Phú	NV Trạm NC & SXLN Bình Tân	
6	Nguyễn Anh Sỹ	NV Trạm NC & SXLN Bình Tân	
7	Lê Hải Đăng	Lực lượng Công ty tăng cường	
III	Tổ 4 - Huyện Hoài Ân		
1	Võ Thanh Tuấn	Đội trưởng Đội 3	Tổ trưởng
2	Hồ Đức Anh	Đội phó Đội 3	Tổ phó
3	Đinh Văn Hiệp	NV. QLVR Đội 3	
4	Đinh Văn Thoại	NV. QLVR Đội 3	
5	Đinh Văn Khuron	NV. QLVR Đội 3	
6	Đinh Văn Tư	NV. QLVR Đội 3	
7	Đinh Văn Ngơn	NV. QLVR Đội 3	
8	Đinh Văn Khan	NV. QLVR Đội 3	
9	Đinh Văn Tuyên	NV. QLVR Đội 3	
10	Đinh Gơn	NV. QLVR Đội 3	
11	Đinh Văn Ngược	NV. QLVR Đội 3	


 Giám đốc

 Hồ Văn Hề

Vĩnh Thạnh, ngày 09 tháng 01 năm 2025
 Người lập


 Nguyễn Văn Xuôi